VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2018*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gồm:

a) Xe ô tô phục vụ công tác của các chức danh (sau đây gọi là xe ô tô chức danh);

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung;

c) Xe ô tô chuyên dùng.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan đại diện của Bộ Quốc phòng Việt Nam, Bộ Công an Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thuộc danh mục tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, doanh nghiệp kinh tế - quốc phòng, an ninh do cơ quan, người có

thẩm quyền quyết định việc trang bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, khả năng tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm: cơ quan, đơn vị và các tổ chức khác thuộc hệ thống tổ chức của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ; công nhân, viên chức quốc phòng phục vụ trong tổ chức biên chế tại các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; công nhân viên công an; lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế; hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ theo chế độ nghĩa vụ; học sinh công an tại các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Công an.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cán bộ lãnh đạo trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Tổng cục trưởng và tương đương thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo cấp bậc quân hàm được quy định như sau:

a) Sỹ quan có cấp bậc quân hàm cao nhất là Đại tướng được sử dụng thường xuyên 01 xe ô tô trong thời gian công tác. Căn cứ tình hình thực tế tại thời điểm trang bị xe, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủng loại, giá mua xe theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Sỹ quan có cấp bậc quân hàm cao nhất là Thượng tướng, Đô đốc Hải quân được sử dụng thường xuyên 01 xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa là 1.100 triệu đồng/xe;

c) Sỹ quan có cấp bậc quân hàm cao nhất là Trung tướng, Phó Đô đốc Hải quân được sử dụng thường xuyên 01 xe ô tô trong thời gian công tác với giá mua tối đa là 920 triệu đồng/xe;

d) Sỹ quan có cấp bậc quân hàm là Thiếu tướng, Chuẩn Đô đốc Hải quân được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc, đi công tác với giá mua tối đa là 820 triệu đồng/xe.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chức danh tại doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

4. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô hoặc vừa có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô theo chức danh lãnh đạo vừa có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô theo cấp bậc quân hàm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc thôi giữ chức vụ mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định thì người thay thế tiếp tục sử dụng, không trang bị mới cho đến khi đủ điều kiện thay thế xe ô tô theo quy định.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Cán bộ lãnh đạo, chỉ huy có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên hoặc cán bộ có hệ số lương từ 7,3 trở lên tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân mà không thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác.

2. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cán bộ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Số lượng xe ô tô trang bị cho từng cơ quan, đơn vị do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định cho phù hợp nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp do yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp, đặc biệt, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc bố trí xe ô tô phục vụ công tác chung cho các chức danh không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này khi đi công tác.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng chung gồm: Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế; xe ô tô có kết cấu đặc biệt (xe chở tiền, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe cần cẩu,...); xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc có gắn biển hiệu hoặc có dấu hiệu nhận biết (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh, xe phát thanh truyền hình lưu động,...); xe ô tô tải; xe ô tô bán tải; xe ô tô trên 16 chỗ ngồi thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Xe ô tô chuyên dùng riêng là xe ô tô có gắn các thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quốc phòng, an ninh.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng chung quy định tại khoản 1 Điều này của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính về chủng loại, số lượng xe ô tô;

b) Ban hành danh mục, đối tượng được sử dụng, số lượng xe ô tô chuyên dùng riêng trang bị cho từng đơn vị thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 6. Xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của ban quản lý dự án được xác định theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, đơn vị tương đương quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Không trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung đối với Ban quản lý dự án mà các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô tham gia Ban quản lý dự án theo hình thức kiêm nhiệm.

2. Việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và được thực hiện theo hình thức giao, điều chuyển, thuê hoặc mua sắm. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, vốn vay thương mại, viện trợ không hoàn lại thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 7. Giá mua xe ô tô

1. Giá mua xe ô tô:

a) Giá mua xe ô tô chức danh thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 3 Nghị định này;

b) Giá mua xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị định này tối đa là 720 triệu đồng/xe;

c) Giá mua xe ô tô chuyên dùng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, khả năng ngân sách nhà nước, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Giá mua xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, đơn vị thường xuyên hoạt động ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ không quá 1,5 lần so với mức giá quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này khi mua xe ô tô 02 cầu. Trường hợp cần thiết mua xe từ 12 đến 16 chỗ ngồi thì giá mua tối đa là 1.100 triệu đồng/xe.

3. Giá mua xe ô tô quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định tiêu chuẩn, định mức. Giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

4. Việc điều chỉnh giá mua xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 8. Thay thế xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân

1. Xe ô tô trang bị cho các cán bộ lãnh đạo trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các chức danh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này được thay thế theo yêu cầu công tác hoặc khi đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này. Việc xử lý xe ô tô cũ sau khi thay thế được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

2. Xe ô tô chức danh không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng chung được thanh lý khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Đã hết thời hạn sử dụng theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định;

b) Sử dụng trên 200.000 km đối với địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sử dụng trên 250.000 km đối với các địa bàn khác;

c) Xe ô tô bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% so với nguyên giá).

3. Xe ô tô chuyên dùng riêng được thay thế theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ quốc phòng, an ninh, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 9. Sắp xếp lại, xử lý xe ô tô

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư (nếu có) theo các hình thức quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2019.

2. Trường hợp sau khi rà soát, các đơn vị còn thiếu xe ô tô so với tiêu chuẩn, định mức quy định thì được xử lý như sau:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định điều chuyển xe ô tô từ đơn vị có xe ô tô dôi dư sau khi rà soát;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao tài sản là xe ô tô cho đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm xe ô tô trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xử lý vi phạm

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Nghị định này trong toàn bộ quy trình mua sắm, giao, bố trí, sử dụng, xử lý xe ô tô.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng xe ô tô thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm giải trình và phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; tùy theo tính chất,

mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Quyết định số 161/2008/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và Quyết định số 40/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong Công an nhân dân.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an giao cơ quan có chức năng tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Điều 27 của Luật Quản lý sử dụng tài sản công.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

(Kèm theo Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

STT	Cơ quan, đơn vị	Định mức trang bị tối đa
1	Cơ quan các Tổng cục, Vụ, Cục trực thuộc Bộ	12 cán bộ có tiêu chuẩn/xe
2	Cơ quan Quân khu, Quân chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển	10 cán bộ có tiêu chuẩn/xe
3	Cơ quan Quân đoàn, Binh chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh 86	10 cán bộ có tiêu chuẩn/xe
4	Cơ quan Bộ chỉ huy: Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 xe/đơn vị
5	Cơ quan Ban chỉ huy Quân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01 xe/đơn vị
6	Học viện, Trường sỹ quan, Viện nghiên cứu và Trung tâm nghiên cứu trực thuộc Bộ; Học viện, Trường Đại học, Trường sỹ quan trực thuộc Tổng cục, Quân chủng, Binh chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	35 cán bộ/xe
7	Trường cao đẳng, Trường Trung cấp, Trường quân sự và tương đương	03 xe/01 đơn vị
8	Bệnh viện hạng đặc biệt	07 xe/đơn vị
9	Bệnh viện hạng I	05 xe/đơn vị
10	Bệnh viện hạng II	04 xe/đơn vị
11	Bệnh viện hạng III	03 xe/đơn vị

STT	Cơ quan, đơn vị	Định mức trang bị tối đa
12	Các kho tương đương Trung đoàn, Lữ đoàn	02 xe/đơn vị
13	Trại giam, trại tạm giam	01 xe/đơn vị
14	Đoàn nghệ thuật	01 xe/đơn vị
15	Đoàn điều dưỡng, an dưỡng	01 xe/đơn vị
16	Doanh nghiệp quốc phòng	05 xe/đơn vị
17	Các đơn vị chiến đấu: Bộ Tư lệnh vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Sư đoàn, Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương trở lên và các trường hợp đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định số lượng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ.	

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THUỘC BỘ CÔNG AN

(Kèm theo Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ)

TT	Cơ quan, đơn vị	Định mức trang bị tối đa
I	**Cơ quan các Cục, Vụ, Viện, Bộ Tư lệnh**	12 cán bộ có tiêu chuẩn/xe
II	**Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**	
1	Công an thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh (không bao gồm Công an các quận, huyện, thị xã)	
1.1	Trường hợp chưa sáp nhập phòng cháy, chữa cháy vào Công an thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh	60 xe/đơn vị
1.2.	Trường hợp sáp nhập phòng cháy, chữa cháy vào Công an thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh	68 xe/đơn vị
2	Công an 18 tỉnh, thành phố có phòng cháy, chữa cháy độc lập với Công an tỉnh, thành phố (không bao gồm Công an các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)	
2.1	Trường hợp chưa sáp nhập phòng cháy, chữa cháy vào Công an tỉnh, thành phố	25 xe/đơn vị
2.2	Trường hợp sáp nhập phòng cháy, chữa cháy vào Công an tỉnh, thành phố	29 xe/đơn vị
3	Công an 43 tỉnh, thành phố còn lại (không bao gồm Công an các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) bao gồm cả xe ô tô của lực lượng phòng cháy, chữa cháy	25 xe/đơn vị

TT	Cơ quan, đơn vị	Định mức trang bị tối đa
4	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (trong trường hợp có tổ chức bộ máy độc lập với Công an tỉnh, thành phố và chưa thực hiện sáp nhập vào Công an tỉnh, thành phố)	18 xe/đơn vị
5	Trường hợp các phòng và tương đương thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trụ sở độc lập được tính thêm 01 xe/đơn vị vào định mức chung quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Mục này.	
III	**Công an các quận, huyện**	
1	Công an quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.	05 xe/đơn vị
2	Công an quận, huyện, thị xã các thành phố trực thuộc Trung ương (trừ thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh); công an huyện, thị xã, thành phố thuộc các tỉnh trọng điểm về an ninh trật tự	04 xe/đơn vị
3	Công an huyện, thị xã, thành phố trực thuộc các tỉnh còn lại	03 xe/đơn vị
IV	**Các đơn vị khác**	
1	Học viện, Trường đại học	35 cán bộ/xe
2	Trường cao đẳng, Trường trung học	45 cán bộ/xe
3	Trường nghiệp vụ, trường văn hóa, trường sơ cấp, dạy nghề và tương đương	02 xe/đơn vị
4	Bệnh viện hạng I	05 xe/đơn vị
5	Bệnh viện hạng II	04 xe/đơn vị
6	Bệnh viện hạng III	03 xe/đơn vị
7	Các kho thuộc Bộ Công an	01 xe/đơn vị

TT	Cơ quan, đơn vị	Định mức trang bị tối đa
8	- Trại giam, cơ sở giáo dục: + Trung tâm + Phân trại, phân khu - Trường giáo dưỡng	 02 xe/đơn vị 01 xe/đơn vị 02 xe/đơn vị
9	Đoàn nghệ thuật	01 xe/đơn vị
10	Nhà điều dưỡng, an dưỡng	01 xe/đơn vị
11	Các doanh nghiệp an ninh	02 xe/đơn vị
12	Các nhà máy, xí nghiệp hạch toán độc lập	01 xe/đơn vị
13	Các đơn vị chiến đấu từ cấp Trung đoàn trở lên và các đơn vị đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Công an quy định số lượng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế	